

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MINH HẰNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MINH HẰNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH HANG DEVELOPMENT INVESTMENT SERVICE AND TRADING CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH HANG DISATC CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108964803

3. Ngày thành lập: 30/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Trung, Xã Liên Trung, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0921993144

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá)	4511
2.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
4.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
5.	Cho thuê xe có động cơ Cho thuê ô tô	7710

6.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
7.	Bốc xếp hàng hóa	5224
8.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
10.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
11.	Đại lý du lịch	7911
12.	Điều hành tua du lịch	7912
13.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
14.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
15.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
16.	Xây dựng công trình điện	4221
17.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
18.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
19.	Xây dựng công trình công ích khác - Xây dựng công trình xử lý bùn.	4229
20.	Xây dựng công trình thủy	4291
21.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
22.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
23.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.	4299
24.	Xây dựng nhà để ở	4101
25.	Xây dựng nhà không để ở	4102
26.	Phá dỡ	4311
27.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
29.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
30.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

31.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
33.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uôn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,	4390
34.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
37.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện	1629
39.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

